

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 MÔN TOÁN LỚP 3

ĐỀ SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm:

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: (1đ)

Phép nhân 46×2 có tích là là:

- A. 23 B. 32 C. 92

Câu 2: Tính. (2đ)

a/. $364 \text{ dam} - 34 \text{ dam} = \dots\dots \text{dam}$.

- A. 30 dam B. 330 dam C. 398 dam

b/. $5\text{m } 4\text{dm} = \dots\dots\dots \text{dm}$

- A. 54 dm B. 504 dm C. 540 dm

Câu 3: Giá trị của biểu thức $25 \times 2 + 30$ là: (1 điểm)

- A. 50 B. 80 C. 85

Bài 4. Hình ABCD có số góc vuông là: (1 điểm)

A. 2

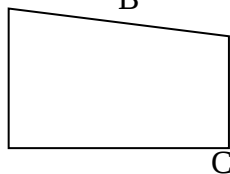
A

B

B. 3

C. 4

D



Bài 5. Giá trị của biểu thức: $27 : 3 + 45$ là: (1 điểm)

A. 54

B. 55

C. 56

PHẦN II: Tự luận

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (1điểm)

a/ $493 + 325$

b/ $928 - 356$

c/ 186×5

d/ $639 : 3$

câu 2: Tìm (1 đ)

$$81 - x = 27$$

$$4 \times X = 32$$

Câu 3: Bài toán:

- Lan có quyển truyện dày 144 trang? Lan đã đọc được $\frac{1}{3}$ số trang. Hỏi Lan còn phải đọc bao nhiêu trang nữa để hết quyển truyện? (2 điểm)

ĐÁP ÁN MÔN TOÁN HỌC KÌ I KHỐI 3

Phần I: Phần trắc nhiệm (6 điểm)

Câu 1: (1 điểm) Phép nhân 46×2 có tích là là:

C. 92

Câu 2: Tính (2 Điểm) Mỗi phép tính đúng được 1 điểm

a. $364 \text{ dam} - 34 \text{ dam} = \dots\dots\text{dam}$ (1 điểm)

B. 330

b. $5\text{m } 4\text{dm} = \dots\dots\dots \text{dm}$ (1 điểm)

A. 54

Câu 3: (1 Điểm) Giá trị của biểu thức $25 \times 2 + 30$ là

B. 80

Bài 4. Hình ABCD có số góc vuông là: (1 Điểm)

A. 2

Bài 5. Giá trị của biểu thức: $27 : 3 + 45$ là: (1 điểm)

A. 54

PHẦN II: Tự luận (4 điểm)

Câu 1: Đặt tính rồi tính: (1điểm)

Mỗi phép tính đúng được 0,25 điểm

a. 818 b. 572 c. 930 d. 213

Câu 2: Tìm x (1 điểm)

Mỗi phép tính đúng được 1 điểm

$$81 - x = 27$$

$$4 \times X = 32$$

$$X = 81 - 27$$

$$X = 32 : 4$$

$$X = 54$$

$$X = 8$$

Câu 3: (2 điểm)

Bài giải

Số trang Lan đã đọc được là:

$$144 : 3 = 48 \text{ (trang)}$$

Số trang còn lại Lan phải đọc là:

$$144 - 48 = 96 \text{ (trang)}$$

Đáp số : 96 trang

- Đúng mỗi câu lời giải được 0,25 đ

- Đúng mỗi phép tính được 0,5 đ

- Đúng đáp số được 0,5 đ

ĐỀ SỐ 2

Câu 1. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Kết quả của phép tính: 315×3 là:

A. 985

B. 955

C. 945

D. 935

Câu 2. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Kết quả của phép tính: $336 : 6$ là:

A. 65

B. 56

C. 53

D. 51

Câu 3. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

$6m\ 4cm = \dots\dots\dots cm$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. 10

B. 24

C. 604

D. 640

Câu 4. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Một hình vuông có cạnh bằng $5cm$. Chu vi hình vuông đó là:

A. 20cm

B. 15cm

C. 10cm

D. 25cm

Câu 5. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Một phép chia có số dư lớn nhất là 8. Số bị chia là:

A. 7

B. 9

C. 12

D. 18

Câu 6. Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng:

Biểu thức $220 - 10 \times 2$ có giá trị là:

A. 420

B. 210

C. 440

D. 200

Câu 7. Tìm x

a) $X : 5 = 115$

b) $8 \times X = 648$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

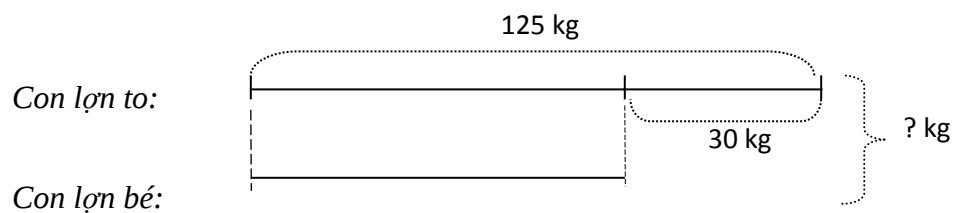
.....

.....

.....

.....

Câu 8. Tóm tắt:



Bài giải:

.....

.....

.....

.....

Câu 9. Một thùng đựng 25 lít nước mắm. Người ta đã lấy ra $\frac{1}{5}$ số lít nước mắm. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít nước mắm ?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

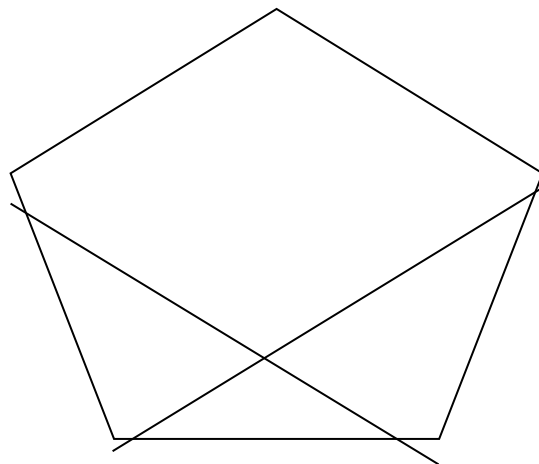
.....

.....

.....

Câu 10. Hình bên có:

-hình tam giác.
-hình tứ giác.



ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM CHI TIẾT

Mỗi câu được 1 điểm x 10 câu = 10 điểm

Câu 1. C. 945

Câu 2. B. 56

Câu 3. C. 604

Câu 4. A. 20cm

Câu 5. B. 9

Câu 6. D. 200

Câu 7. Tìm x: Mỗi phép tính đúng được 0,5đ (Mỗi lượt tính đúng được 0,25đ)

a) $X : 5 = 115$

b) $8 \times X = 648$

$$X = 115 \times 5$$

$$X = 648 : 8$$

$$X = 575$$

$$X = 81$$

Câu 8. Mỗi câu trả lời và phép tính đúng được 0,5đ. Thiếu đáp số trừ 0,25đ.

Bài giải:

Con lợn bé cân nặng là: $125 : 30 = 95$ (kg)

Cả hai con lợn cân nặng là : $125 + 95 = 220$ (kg)

Đáp số: 220 kg

Câu 9. Mỗi câu trả lời và phép tính đúng được 0,5đ. Thiếu đáp số trừ 0,25đ.

Bài giải:

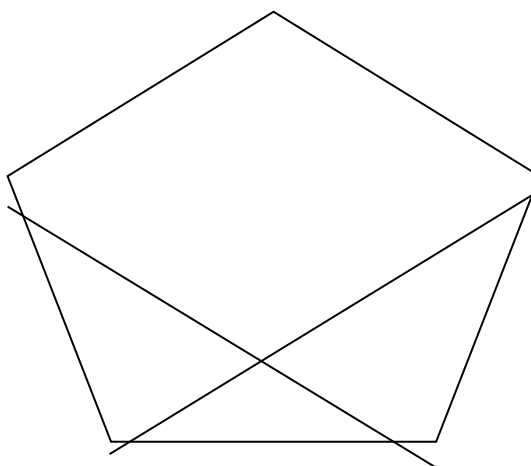
Số lít nước mắm đã lấy ra là: $25 : 5 = 5$ (l)

Số lít nước mắm còn lại là : $25 - 5 = 20$ (l)

Đáp số: 20l nước mắm

Câu 10. Hình bên có:

- 5 hình tam giác.
- 3 hình tứ giác.



ĐỀ SỐ 3

Câu 1. Tính (1 điểm):

$5 \times 6 =$

- - -

$7 \times 4 =$

- - -

$6 \times 7 =$

- - -

$8 \times 9 =$

- - -

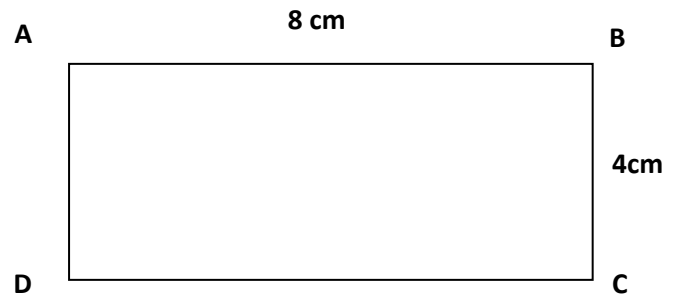
Câu 2. Viết vào chỗ trống (1 điểm):

Viết số	Đọc số
42 045	
	Tám mươi chín nghìn một trăm linh năm
33 205	
	Năm mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi mốt

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng (1 điểm):

Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

- A. 12 cm B. 24cm
C. 30cm D. 32 cm



Câu 4. Đặt tính rồi tính (1 điểm):

15×8

135×6

$720 : 9$

$475 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Khoanh vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

$7m\ 32cm = ...cm$

- A. 12 cm B. 39cm C. 732cm D. 7032 cm

Câu 6. Tìm Y (1điểm):

a) $Y + 2045 = 3608$

b) $Y \times 6 = 2118$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 7. (1đ) Viết các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 45 650; 48 015; 9 225; 8 585; 51 112

.....
.....

Câu 8. Bài toán (1 điểm):

7 can chứa 35l nước mắm. Hỏi 10 can như thế chứa bao nhiêu lít nước mắm?

Bài giải:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 9. Viết tiếp vào chỗ chấm số thích hợp (1 điểm):

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là.....m²

Câu 10. Bài toán (1 điểm):

Lớp 3A, 3B và 3C có tất cả 99 học sinh. Lớp 3A và 3B có 67 học sinh. Lớp 3B và 3C có 65 học sinh. Tính số học sinh của lớp 3A và 3C?

Bài giải:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM CHI TIẾT

Câu 1. Tính: 1 điểm, đúng 3 câu được 0,5 điểm

$5 \times 6 = 30$

$7 \times 4 = 28$

$6 \times 7 = 42$

$8 \times 9 = 72$

— — — —

— — — —

— — — —

— — — —

Câu 2. Viết vào chỗ trống: 1 điểm, điền đúng mỗi ý được 0,25 điểm

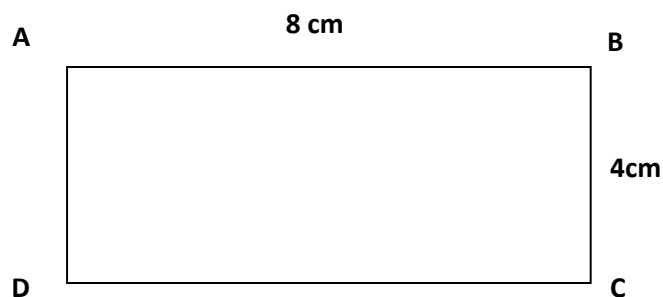
Viết số	Đọc số
---------	--------

42 045	Bốn mươi hai nghìn không trăm bốn mươi lăm
89 105	Tám mươi chín nghìn một trăm linh năm
33 205	Ba mươi ba nghìn hai trăm linh năm
56 931	Năm mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi mốt

Câu 3: Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng: 1 điểm

Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

- A. 12 cm **B. 24cm**
C. 30cm D. 32 cm



Câu 4. Đặt tính rồi tính: 1 điểm , mỗi ý đúng được 0,25 điểm

15×8

135×6

$720 : 9$

$475 : 5$

$15 \times 8 = 120$

$135 \times 6 = 810$

$720 : 9 = 80$

$475 : 5 = 95$

Câu 5. Khoanh và chữ cái đặt trước kết quả đúng: 1 điểm

$7m\ 32cm = ...cm$

- A. 12 cm B. 39cm **C. 732cm** D. 7032 cm

Câu 6. Tìm Y: 1 điểm

a) $Y + 2045 = 3608$

b) $Y \times 6 = 2118$

$$Y + 2045 = 3608$$

$$Y \times 6 = 2118$$

$$Y = 3608 - 2045$$

$$Y = 2118 : 6$$

$$Y = 1563$$

$$Y = 353$$

Câu 7. Thứ tự từ lớn đến bé: 45 650; 48 015; 9 225; 8 585; 51 112 (1 điểm)

51 112; 48 015; 45 650; 9 225; 8 585.

Câu 8. Bài toán: 1 điểm, mỗi câu trả lời kèm phép tính đúng được 0,5 điểm. Bài toán làm đúng nhưng thiếu đáp số trừ toàn bài 0,25 điểm

7 can chứa 35l nước mắm. Hỏi 10 can như thế chứa bao nhiêu lít nước mắm?

Bài giải:

Mỗi can chứa số lít nước mắm là:

$$35 : 7 = 5 \text{ (l)}$$

Mười can như thế chứa số lít nước mắm là:

$$5 \times 10 = 50 \text{ (l)}$$

Đáp số: 50l nước mắm

Câu 9. Viết tiếp vào chỗ chấm số thích hợp: 1 điểm

Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 10m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là **300 m²**

Câu 10. Bài toán: 1 điểm, mỗi câu trả lời kèm phép tính đúng được 0, 5 điểm. Bài toán làm đúng nhưng thiếu đáp số trừ toàn bài 0, 25 điểm.

Lớp 3A , 3B và 3C có tất cả 99 học sinh. Lớp 3A và 3B có 67 học sinh. Lớp 3B và 3C có 65 học sinh. Tính số học sinh của lớp 3A và 3C?

Bài giải:

Số học sinh lớp 3A có là:

$$99 - 65 = 34 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh lớp 3C có là:

$$99 - 67 = 32 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 3A: 34 học sinh

3C: 32 học sinh

